

Số: /KH-SYT

Vinh Long, ngày tháng năm 2021

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án tiếp tục đẩy mạnh, mở rộng xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

Quyết định số 718/QĐ-BYT ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Bộ Y tế về việc phê duyệt Đề án tiếp tục đẩy mạnh, mở rộng xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản đến năm 2030.

Quyết định số 3726/QĐ-BYT ngày 23 tháng 08 năm 2019 của Bộ Y tế về việc phê duyệt danh mục phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản trong Đề án “Tiếp tục đẩy mạnh, mở rộng xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản đến năm 2030”.

Quyết định số 3619/QĐ-BYT ngày 16 tháng 08 năm 2019 của Bộ Y tế phê duyệt Dự án “Thử nghiệm mô hình xã hội hóa cung cấp sản phẩm dịch vụ dự phòng và sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung tại cộng đồng thuộc Đề án 818 đến năm 2030”.

Quyết định số 3728/QĐ-BYT ngày 23 tháng 08 năm 2019 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn hoạt động dự phòng, sàng lọc, phát hiện sớm và quản lý ung thư vú, ung thư cổ tử cung tại cộng đồng thuộc Đề án 818 đến năm 2030.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tiếp tục triển khai các hoạt động xã hội hóa cung ứng PTTT, hàng hóa và dịch vụ KHHGD/SKSS nhằm thực hiện có hiệu quả Đề án 818 và Quyết định 718/QĐ-BYT ngày 25/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế, tăng cường khả năng tiếp cận PTTT, hàng hóa và KHHGD/SKSS cho nhóm dân cư có nhu cầu và có khả năng chi trả; chú trọng dự phòng, sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung tại cộng đồng theo phương thức xã hội hóa và huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội góp phần giảm gánh nặng ngân sách nhà nước, tăng tính bền vững của công tác dân số, góp phần thực hiện thành công Chiến lược Dân số và Phát triển đến năm 2030.

- Tiếp tục củng cố và xây dựng mạng lưới xã hội hoá rộng khắp trong tỉnh: củng cố mạng lưới cung ứng dịch vụ phi lâm sàng đối với tuyên truyền viên, cộng tác viên, các cá nhân và tổ chức xã hội có nhu cầu thực hiện; phát triển mạng lưới cung ứng dịch vụ tầm soát, chẩn đoán, sàng lọc trước sinh và sơ sinh đối với hệ thống cung ứng dịch vụ tại các cơ sở y tế đủ điều kiện.

2. Yêu cầu

- Tăng cường hơn nữa vai trò quản lý nhà nước trong điều phối, cung ứng PTTT, hàng hóa và dịch vụ KHHGD/SKSS chất lượng, hợp lý, kịp thời, mang lại hiệu quả nhằm đáp ứng nhu cầu cho nhóm dân cư có nhu cầu và có khả năng chi trả; đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan trong tổ chức triển khai Kế hoạch trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, lồng ghép với cung cấp các sản phẩm, dịch vụ xã hội hóa trong phạm vi Đề án 818 và Quyết định 718/QĐ-BYT ngày 25/02/2019 của Bộ Y tế về việc phê duyệt Đề án tiếp tục đẩy mạnh, mở rộng xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai (PTTT), hàng hóa dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản (KHHGD/SKSS) đến năm 2030; Đồng thời thực hiện lồng ghép các hoạt động xã hội hóa trong các hoạt động phối hợp với các cơ quan, ngành, đoàn thể có liên quan để triển khai có hiệu quả công tác xã hội hóa về lĩnh vực dân số - KHHGD trên địa bàn tỉnh.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tăng cường khả năng tiếp cận phương tiện tránh thai (PTTT), hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình (KHHGD), chăm sóc sức khỏe sinh sản (CSSKSS) cho nhóm dân cư có nhu cầu và có khả năng chi trả, chú trọng dự phòng, sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung tại cộng đồng theo phương thức xã hội hóa (XHH) và huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội góp phần giảm gánh nặng ngân sách nhà nước, tăng tính bền vững của công tác Dân số và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Các chỉ báo cần đạt được đến năm 2025 tại địa bàn triển khai Đề án

- Ít nhất 90% người dân có nhu cầu hiểu biết về phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản; dự phòng, sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung.

- 100% Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có nhu cầu, được tư vấn và sử dụng biện pháp tránh thai, sản phẩm và dịch vụ phòng ngừa, phát hiện, xử lý nhiễm khuẩn đường sinh sản.

- Ít nhất 90% người dân có nhu cầu được tư vấn, cung cấp sản phẩm và dịch vụ hỗ trợ chăm sóc sức khỏe tình dục.

- Ít nhất 30% phụ nữ từ 30-54 tuổi có nhu cầu được tư vấn, cung cấp sản phẩm và dịch vụ sàng lọc, dự phòng ung thư cổ tử cung.

- Ít nhất 30% số phụ nữ trên 40 tuổi có nhu cầu được tư vấn, cung cấp sản phẩm và dịch vụ sàng lọc, dự phòng ung thư vú.

- Đạt ít nhất 40% thị phần trong thị trường tổng thể phương tiện tránh thai được cung ứng thông qua Đề án.

- Tăng thêm ít nhất 05 sản phẩm phương tiện tránh thai, 10 sản phẩm chăm sóc sức khỏe sinh sản theo mục tiêu đề án của Trung ương.

- 90% Cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản, tổ dân phố, cán bộ quản lý, người tham gia cung ứng sản phẩm được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng về các nội dung Đề án và trực tiếp tham gia phân phối sản phẩm và một số hoạt động cung cấp dịch vụ đã được quy định của Đề án.

- 100% cơ sở y tế đủ điều kiện tham gia Đề án được bổ sung, hỗ trợ trang thiết bị đạt chuẩn để triển khai dịch vụ kỹ thuật.

- 100% người cung cấp dịch vụ, cán bộ quản lý của cơ sở y tế đủ điều kiện tham gia Đề án được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên giao kỹ thuật và tổ chức phân phối sản phẩm và cung cấp dịch vụ của Đề án.

b) Các chỉ báo đến năm 2030: Trên cơ sở tổng kết, đánh giá những hoạt động, nội dung, kết quả thực hiện đến năm 2025 để xác định mục tiêu cụ thể và các chỉ báo của Đề án đến năm 2030.

IV. PHẠM VI ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi thực hiện: Triển khai trên phạm vi tỉnh Vĩnh Long.

1.1. Giai đoạn 2020 – 2025: tập trung tại khu vực thành thị, khu vực nông thôn phát triển, gồm: 55 xã, phường, thị trấn, cụ thể

- Tại khu vực thành thị: 14 phường, gồm 11 phường của Thành phố Vĩnh Long và 03 phường của Thị xã Bình Minh.

- Tại khu vực nông thôn phát triển: 45 xã, gồm: 06 xã của Long Hồ; 06 xã của Mang Thít; 08 xã của Vũng Liêm; 09 xã của Tam Bình; 06 xã của Trà Ôn; 05 xã của Bình Tân và 05 xã của Bình Minh.

1.2. Giai đoạn 2026 – 2030: Mở rộng 100% các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2. Đối tượng của Đề án

2.1. Đối tượng thụ hưởng

Phụ nữ, nam giới, vị thành niên, thanh niên (VTN, TN), người cao tuổi là những người có nhu cầu và khả năng chi trả được thông tin, tư vấn, chuyển đổi hành vi và được chăm sóc, sử dụng các sản phẩm, dịch vụ cung cấp trong Đề án.

2.2. Đối tượng tác động

- Cán bộ y tế, đặc biệt là các cơ sở y tế chuyên ngành sản-phụ khoa, ung thư; cơ sở cung ứng phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản được cung cấp, trang bị kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ và tham gia cung ứng sản phẩm và dịch vụ chăm sóc.

- Chi cục DS-KHHGĐ tỉnh, Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố, cán bộ chuyên trách dân số, cộng tác viên dân số, y tế thôn bản được tập huấn, cung cấp kiến thức, kỹ năng để trực tiếp tham gia cung cấp sản phẩm và triển khai những hoạt động, nội dung phù hợp trong các dịch vụ kỹ thuật chăm sóc tại cộng đồng.

- Các doanh nghiệp, tổ chức, tư nhân sản xuất, phân phối, cung ứng phương tiện tránh thai, hàng hóa, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản.

3. Thời gian thực hiện Đề án

Thời gian thực hiện từ năm 2020 đến năm 2030, chia làm 2 giai đoạn

3.1. Giai đoạn 1: Từ năm 2020 đến năm 2025.

3.2. Giai đoạn 2: Từ năm 2026 đến năm 2030.

V. CÁC NHIỆM VỤ VÀ HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

1. Tuyên truyền, vận động, cung cấp thông tin tạo môi trường xã hội đồng thuận thúc đẩy XHH, phát triển thị trường PTTT, hàng hóa SKSS, thị trường cung cấp dịch vụ và triển khai Đề án

- Thường xuyên cung cấp thông tin, tư vấn trực tiếp tại cộng đồng; tổ chức các sự kiện truyền thông về XHH, nội dung và sản phẩm, dịch vụ, tập trung cho sản phẩm, dịch vụ mới của Đề án.

- Tổ chức các Hội nghị, hội thảo chuyên đề, cung cấp thông tin cho lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, đoàn thể về lợi ích, sự cần thiết của XHH; ban hành chính sách, huy động nguồn lực, phối hợp tham gia thực hiện Đề án.

- Xây dựng chuyên trang, chuyên mục, bản tin, phóng sự trên báo, tạp chí, Website có uy tín về các vấn đề xã hội về các hoạt động của Đề án.

- In ấn, nhân bản các loại tài liệu, tờ rơi, sách mỏng.

2. Xây dựng và hoàn thiện chính sách khuyến khích XHH và phát triển sản phẩm, dịch vụ của Đề án

- Rà soát, bổ sung các chính sách khuyến khích XHH và phát triển sản phẩm, dịch vụ của Đề án.

- Rà soát, bổ sung, xây dựng kế hoạch tổng thể cho từng sản phẩm, dịch vụ của Đề án theo phân khúc thị trường.

3. củng cố và mở rộng cung ứng sản phẩm, dịch vụ của Đề án

3.1. Phát triển sản phẩm, dịch vụ

- Tiến hành đăng ký và triển khai những sản phẩm có tác dụng phòng, chống ung thư; những giải pháp công nghệ thực hiện đơn giản, có tính cộng đồng cao về sàng lọc, chẩn đoán ung thư vú, ung thư cổ tử cung có hiệu quả, dựa trên nhu cầu, điều kiện của người dân và năng lực của hệ thống cung cấp.

- Thực hiện quy trình sàng lọc, chẩn đoán, điều trị và quản lý ung thư vú, ung thư cổ tử cung tại cộng đồng.

- Cập nhật và phổ biến các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật, tư vấn về sản phẩm, dịch vụ mới.

3.2. Tổ chức cung ứng sản phẩm trong hệ thống dân số

- Tiếp tục triển khai các hoạt động của Đề án 818 giai đoạn 2017-2020.

- Xây dựng và mở rộng mạng lưới cộng tác viên, nhân viên y tế khóm ấp, nhà thuốc, chú trọng người đủ năng lực, điều kiện và có nguyện vọng tham gia.

- Cập nhật các chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn phù hợp cho các nhóm đối tượng tham gia.

- Định kỳ tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng và tập huấn kỹ năng theo chương trình, tài liệu và kế hoạch của Đề án.

- Tuyên truyền, tư vấn, cung cấp thông tin về các nội dung chăm sóc và vận động sử dụng sản phẩm tại hộ gia đình và cộng đồng.

- Phân phối các sản phẩm của Đề án tại cộng đồng.

- Định kỳ báo cáo, phản ánh các thông tin của khách hàng theo quy định.

3.3. Tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tại các cơ sở y tế đủ điều kiện

- Tiếp tục triển khai các hoạt động của Đề án 818 giai đoạn 2017-2020.

- Phát triển các cơ sở y tế tự nguyện và đủ điều kiện tham gia dự án.

- Tiếp tục mở rộng các dịch vụ KHHGĐ/CSSKSS, chú trọng phòng chống nhiễm khuẩn, hỗ trợ sức khỏe tình dục, dự phòng, sàng lọc ung thư vú và ung thư cổ tử cung.

- Tổ chức đào tạo và đào tạo liên tục kỹ thuật dịch vụ, tập huấn kỹ năng cho người cung cấp dịch vụ.

- Tổ chức cung cấp dịch vụ tại cơ sở y tế, huy động các cơ sở y tế phối hợp với mạng lưới dân số - y tế cơ sở tham gia cung cấp dịch vụ tại cộng đồng.

4. Quản lý chất lượng sản phẩm và dịch vụ của Đề án

- Phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ của Đề án.

- Đề xuất bổ sung tiêu chuẩn, quy chuẩn PTTT, hàng hóa SKSS, sàng lọc ung thư vú và ung thư cổ tử cung.

- Đề xuất bổ sung quy trình kỹ thuật, quy trình quản lý sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung tại cộng đồng.

5. Nâng cao chất lượng thông tin quản lý và hệ thống hậu cần của Đề án

- Định kỳ thu thập thông tin về nhu cầu sử dụng từng sản phẩm, dịch vụ và kênh phân phối theo phân khúc thị trường. Điều tra thông tin cơ bản, điều tra đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ Đề án.

- Thực hiện quy trình nghiệp vụ về thu thập, lưu trữ, xử lý và công bố thông tin quản lý và hệ thống hậu cần của Đề án.

- Tập huấn, hỗ trợ phần mềm, thiết bị tin học phù hợp cho các điểm thu tin.

- Tổ chức hệ thống hậu cần theo hướng tích hợp hệ thống hậu cần của Đề án với hệ thống phân phối của các tổ chức, đơn vị, tư nhân tham gia Đề án.

6. Quản lý, giám sát

- Thực hiện bộ công cụ giám sát, đánh giá thống nhất.

- Tổ chức khảo sát, học tập trao đổi kinh nghiệm.

- Tổ chức các hội nghị vận động, triển khai kế hoạch, sơ kết, tổng kết.

- Kiểm tra, giám sát và hỗ trợ kỹ thuật.

VI. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Giải pháp kỹ thuật

- Chọn sản phẩm, dịch vụ đáp ứng nhu cầu người dân, phù hợp với các nhiệm vụ, mục tiêu.

- Căn cứ vào nhu cầu đa dạng của người dân, mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án, tổ chức khuyến khích, hỗ trợ những tổ chức, đơn vị, cá nhân đủ điều kiện tham gia phân phối sản phẩm, chú trọng những sản phẩm có nhu cầu cao, cần thiết nhưng còn thiếu.

2. Giải pháp về quản lý

- Phân công trách nhiệm rõ ràng giữa các bên tham gia thực hiện Đề án. Cơ quan dân số, cơ sở y tế đủ điều kiện, các tổ chức, đơn vị, tư nhân triển khai phân phối sản phẩm, cung ứng dịch vụ của Đề án theo nhiệm vụ, phân cấp và được hưởng các chi phí theo quy định.

- Hỗ trợ phân phối sản phẩm và dịch vụ của Đề án được xác định theo nội dung công việc từ Ban Quản lý Đề án đến các đơn vị phân phối trung gian và người sử dụng.

- Xác định mức chi phí hoặc khung chi phí phân phối cho từng sản phẩm, dịch vụ và cho từng cấp phân phối sản phẩm và dịch vụ của Đề án.

3. Giải pháp huy động nguồn lực

3.1. Huy động nhân lực

Căn cứ vào từng hoạt động, từng giai đoạn, từng địa bàn sẽ huy động nhân lực tại chỗ tham gia thực hiện Đề án:

- Đối với cấp khóm, ấp: Cộng tác viên dân số, nhân viên y tế khóm ấp,... tiếp tục được huy động tham gia tuyên truyền, vận động, tư vấn và phân phối sản phẩm của Đề án; huy động các nhà thuốc, cửa hàng tiện lợi tham gia.

- Đối với cấp xã, phường, thị trấn (Trạm y tế, phòng khám sản - phụ khoa, cơ sở y tế tư nhân): huy động các bác sỹ và nhân viên y tế của các cơ sở y tế tham gia phân phối sản phẩm và cung cấp dịch vụ của Đề án theo phân cấp.

- Đối với cấp huyện, thị, thành phố: huy động các bác sỹ và nhân viên y tế của các cơ sở y tế đủ điều kiện tham gia cung cấp đầy đủ các sản phẩm và dịch vụ của Đề án.

3.2. Huy động vốn đầu tư

Các nguồn vốn được huy động bao gồm:

- Nguồn vốn của nhà nước đầu tư.
- Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác và từ người sử dụng được chi trả.

3.3. Quản lý vốn đầu tư

Việc quản lý, sử dụng các nguồn vốn đầu tư triển khai các hoạt động của Đề án theo Luật Ngân sách Nhà nước.

4. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn ngân sách Trung ương cấp, Địa phương theo Luật Ngân sách Nhà nước và từ người sử dụng tự chi trả.

VII. NGUỒN LỰC, CƠ CHẾ QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH

1. Nguồn lực

1.1. Giai đoạn 2021 - 2025:

Dự kiến tổng nguồn vốn tối thiểu thực hiện Đề án đến năm 2025 từ nguồn vốn huy động hợp pháp khác (XHH) và từ người sử dụng được chi trả là: **800.000.000 đồng** (Tám trăm triệu đồng), cụ thể như:

- Dự kiến Vốn ngân sách địa phương : 400.000.000 đồng.
- Dự kiến Vốn huy động hợp pháp khác: 400.000.000 đồng.

1.2. Giai đoạn 2026-2030:

Được xác định trên cơ sở kết quả thực hiện giai đoạn 2020 - 2025 và mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2026 - 2030.

2. Cơ chế quản lý và điều hành

- Cơ chế quản lý và điều hành thực hiện theo các quy định của pháp luật để thực hiện chức năng điều phối có hiệu quả các nguồn vốn và điều hành các

tổ chức, đơn vị tham gia Đề án; thẩm tra các đề xuất, kế hoạch hoạt động; tổ chức triển khai các hoạt động; kiểm tra, giám sát hỗ trợ kỹ thuật, chủ động, tích cực bổ sung cơ chế chính sách, huy động nguồn nhân lực và tổ chức thực hiện.

- Sở Y tế, Chi cục DS-KHHGĐ là cơ quan chủ trì Ban điều hành cấp tỉnh: Lãnh đạo Sở Y tế làm trưởng ban, Chi cục trưởng làm phó ban thường trực, thành viên là các đơn vị có liên quan.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Vĩnh Long tổ chức triển khai kế hoạch trên phạm vi toàn tỉnh; xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hằng năm, phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế xã hội, Chiến lược Dân số - Sức khỏe sinh sản. Giao cơ quan thường trực tham mưu là Chi cục Dân số và Kế hoạch hóa gia đình.

- Là cơ quan thường trực Ban chỉ đạo có trách nhiệm triển khai và tổng hợp báo cáo, đánh giá tình hình tổ chức thực hiện triển khai Kế hoạch Đề án tiếp tục đẩy mạnh, mở rộng xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ Kế hoạch hóa gia đình, Sức khỏe sinh sản đến năm 2030.

- Định kỳ hàng năm và đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình triển khai thực hiện kế hoạch.

- Chỉ đạo các đơn vị thuộc ngành y tế thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ đã được phân công, cụ thể:

1.1. Chi cục DS-KHHGĐ

- Tham mưu cho Sở Y tế xây dựng chỉ tiêu kế hoạch cụ thể hàng năm giao cho các TTYT huyện, thị xã, thành phố thực hiện.

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức quản lý, điều hành triển khai có hiệu quả các hoạt động của kế hoạch.

- Chịu trách nhiệm thực kế hoạch; phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch.

- Phối hợp các đơn vị có liên quan tiến hành các thủ tục tiếp nhận và sử dụng các nguồn lực, hỗ trợ kỹ thuật cho kế hoạch.

- Định kỳ hàng năm tổ chức sơ kết, tổng kết, báo cáo Lãnh đạo Sở Y tế.

- Xây dựng, trình Sở Y tế các văn bản, hướng dẫn để ban hành theo thẩm quyền.

1.2. Phòng Kế hoạch - Tài chính thuộc Sở Y tế

- Phối hợp với Chi cục DS-KHHGĐ báo cáo Sở Kế hoạch - Đầu tư, Sở Tài chính để cân đối, phân bổ nguồn lực cho kế hoạch; cơ chế, chính sách thực hiện

và hướng dẫn triển khai kế hoạch.

- Trên cơ sở khả năng ngân sách nhà nước, hàng năm bố trí ngân sách thực hiện kế hoạch; hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc sử dụng kinh phí thực hiện kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định pháp luật khác liên quan.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ.

1.3. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật

- Phối hợp với Chi cục DS-KHHGD tham gia thực hiện kế hoạch trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ.

1.4. Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố

- Tham mưu xây dựng Kế hoạch địa phương trình UBND huyện, thị, thành phố phê duyệt; Huy động nguồn lực và khai thác lợi thế của địa phương.

- Lồng ghép có hiệu quả các hoạt động của Đề án với các hoạt động của các Chương trình, dự án khác có liên quan đang thực hiện trên cùng địa bàn đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

- Tổ chức triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch của Sở Y tế.

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện tại địa phương theo kế hoạch định kỳ và đột xuất.

- Thực hiện chế độ báo cáo thực hiện đúng theo quy định.

1.5. Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế

- Theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý, phối hợp với Chi cục DS-KHHGD nghiên cứu triển khai có hiệu quả.

- Trong quá trình thực hiện, ngoài việc tuân thủ theo kế hoạch này, nếu có vướng mắc, báo cáo cho Sở Y tế để xử lý kịp thời.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp Sở Y tế, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn vốn đầu tư công thực hiện hiện Kế hoạch (nếu có).

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Y tế tham mưu UBND tỉnh hàng năm bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp phù hợp với khả năng cân đối ngân sách hàng năm để thực hiện kế hoạch. Phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc sử dụng kinh phí.

4. Các Sở, ban, ngành, các cơ quan và tổ chức liên quan

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của đơn vị để xây dựng kế hoạch hoạt động, lồng ghép nội dung Dân số - Kế hoạch hóa gia đình vào hoạt động của đơn vị và thực hiện có hiệu quả chính sách Dân số - Kế hoạch hóa gia đình trong cơ quan,

đơn vị; định kỳ báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Chi cục Dân số và Kế hoạch hóa gia đình - Sở Y tế).

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ tình hình thực tế của địa phương và nội dung của kế hoạch để chỉ đạo TTYT huyện, thị, thành phố tham mưu xây dựng kế hoạch thực hiện.

- Phối hợp với Sở Y tế chỉ đạo Trung Y tế và ban, ngành, đoàn thể tại huyện, thị xã, thành phố và các địa bàn triển khai kế hoạch tổ chức triển khai có hiệu quả các nội dung kế hoạch.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch tại địa phương tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Chi cục Dân số và Kế hoạch hóa gia đình - Sở Y tế).

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án tiếp tục đẩy mạnh, mở rộng xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung của kế hoạch, các cơ quan, ban, ngành, địa phương phản ánh về Sở Y tế (Chi cục Dân số và Kế hoạch hóa gia đình) để tổng hợp, báo cáo Bộ Y tế (Tổng cục DS- KHHGĐ) và Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và cho ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Tổng cục DS-KHHGĐ (Báo cáo);
- TT UBND tỉnh Vĩnh Long (Báo cáo);
- Bà. Nguyễn Thị Quyên Thanh, PCT UBND tỉnh (Báo cáo);
- UBMTTQ VN tỉnh (phối hợp chỉ đạo);
- Công an tỉnh (phối hợp chỉ đạo);
- Cục Thống kê tỉnh (phối hợp chỉ đạo);
- Các Sở: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch & Đầu tư, Sở Tư pháp, Sở Thông tin Truyền thông, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tư pháp (phối hợp chỉ đạo);
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (phối hợp chỉ đạo);
- Công an tỉnh (phối hợp chỉ đạo);
- Liên đoàn Lao động tỉnh (phối hợp chỉ đạo);
- Hội Nông dân (phối hợp chỉ đạo);
- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh (phối hợp chỉ đạo);
- Hội Cựu Chiến binh tỉnh (phối hợp chỉ đạo);
- Tỉnh đoàn (phối hợp chỉ đạo);
- UBND các huyện, Thị xã, Thành phố (phối hợp chỉ đạo);
- BGĐ Sở Y tế (phối hợp chỉ đạo);
- Các phòng ban chức năng tham mưu Sở (thực hiện);
- Các đơn vị trực thuộc Sở (thực hiện);
- Lưu: VT, NV.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hồ Thị Thu Hằng

